

Bản án số: 82/2020/DS-ST

Ngày: 19-10-2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Bá Đức.

2. Ông Nguyễn Văn Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 280/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 292/2020/QĐST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đặng Quốc S, sinh năm: 1978, địa chỉ: Ấp PL, xã AĐ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm: 1976, địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1989, địa chỉ: Ấp PĐ, xã AĐ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông P có đơn xin vắng mặt; ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn P trình bày:

Do là chỗ quen biết nên ông Đặng Quốc S cho ông Nguyễn Văn T vay tiền hai lần, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 23/9/2017, ông T vay số tiền 490.000.000 đồng, mục đích vay để chi tiêu trong gia đình, hai bên thỏa thuận mức lãi suất 01%/tháng, thời hạn trả tiền là 02 tháng kể từ ngày vay.

- Lần 2: Ngày 16/10/2017, ông T vay số tiền 550.000.000 đồng, mục đích vay để chi tiêu trong gia đình, hai bên thỏa thuận mức lãi suất 01%/tháng, thời hạn trả tiền là 02 tháng kể từ ngày vay.

Cả hai lần vay, ông T là người nhận tiền và có ký tên nhận nợ. Từ khi vay tiền, ông T có trả tiền lãi cho ông S, cụ thể: Đối với số tiền vay 490.000.000 đồng ông T trả tiền lãi đến tháng 12/2017 số tiền là 14.700.000 đồng; số tiền vay 550.000.000 đồng ông T trả tiền lãi đến tháng 01/2018 số tiền là 16.500.000 đồng. Tuy nhiên, ông T không trả nợ gốc theo thỏa thuận cho ông S, ông S đã nhiều lần yêu cầu ông T trả tiền nợ gốc và tiền lãi nhưng ông T không thực hiện.

Ông S xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0.83%/tháng đối với số tiền 490.000.000 đồng tính từ ngày 23/01/2018 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, đối với số tiền 550.000.000 đồng tính từ ngày 16/02/2018 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Đồng thời, ông S đồng ý khấu trừ số tiền lãi ông T đã trả là 31.200.000 đồng vào tiền nợ gốc. Như vậy, tổng số tiền nợ gốc ông T còn nợ ông S là 1.008.800.000 đồng.

Nay ông Đặng Quốc S yêu cầu ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc là 1.008.800.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, ông T cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của ông về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Kiểm sát viên trình bày ý kiến phát biểu về nội dung vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Quốc S, buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đặng Quốc S số tiền vay gốc là 1.008.800.000 đồng.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Quốc S đối với yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0.83%/tháng đối với số tiền 490.000.000 đồng tính từ ngày 23/01/2018 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, đối với số tiền 550.000.000 đồng tính từ ngày 16/02/2018 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ việc cần giải quyết, Tòa án xác định đây là vụ án dân sự có quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Theo xác nhận của Công an xã AĐ, huyện M, tỉnh Bến Tre thì bị đơn ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại ấp PĐ, xã AĐ, huyện M, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, theo quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Ông Đặng Quốc S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả số tiền đã vay là 1.040.000.000 đồng.

Ông S căn cứ vào giấy mượn tiền đề ngày 23/09/2017 với số tiền vay 490.000.000 đồng và giấy nhận nợ đề ngày 16/10/2017 với số tiền vay 550.000.000 đồng có chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Văn T để khởi kiện.

Ngày 29/7/2020, ông S có đơn yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông T đối với các giấy nhận nợ nêu trên. Căn cứ vào Kết luận giám định số 190/2020/GĐTL ngày 31/8/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Bến Tre xác định chữ ký “T”, chữ viết “Nguyễn Văn T” trong giấy nhận nợ nêu trên là do ông T ký tên và viết họ tên. Từ chứng cứ trên có đủ cơ sở kết luận việc ông T có vay của ông S tổng số tiền là 1.040.000.000 đồng nên yêu cầu khởi kiện của ông S là có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, ông S cho rằng khi vay tiền ông T có trả cho ông S tổng số tiền lãi là 31.200.000 đồng và ông S đồng ý khấu trừ số tiền lãi này vào tiền nợ gốc 1.040.000.000 đồng. Do đó, buộc ông T có nghĩa vụ trả cho ông S số tiền vay gốc là 1.008.800.000 đồng.

Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0.83%/tháng đối với số tiền 490.000.000 đồng tính từ ngày 23/01/2018 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, đối với số tiền 550.000.000 đồng tính từ ngày 16/02/2018 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm nên ghi nhận.

[3] Về chi phí thu thập chứng cứ: Chi phí trưng cầu giám định là 1.350.000 đồng. Do yêu cầu của ông S được chấp nhận nên ông T phải chịu chi phí thu thập

chứng cứ là 1.350.000 đồng. Ông S đã nộp số tiền tạm ứng là 1.350.000 đồng nên ông T có nghĩa vụ trả lại cho ông S số tiền 1.350.000 đồng.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 42.264.000 đồng.

Trả lại cho ông S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.089.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 161; Điều 162; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 26, 27 Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Quốc S.

Buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Quốc S số tiền vay là 1.008.800.000 đồng (Một tỷ không trăm lẻ tám triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về chi phí thu thập chứng cứ: Ông Nguyễn Văn T phải chịu chi phí thu thập chứng cứ là 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). Do ông Đặng Quốc S đã nộp số tiền tạm ứng là 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) nên ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả lại cho ông Đặng Quốc S số tiền 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 42.264.000 đồng (Bốn mươi hai triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Trả lại cho ông Đặng Quốc S số tiền tạm ứng án phí là 25.089.000 đồng (Hai mươi lăm triệu không trăm tám mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000918 ngày 22 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Dân